

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Tân Uyên, ngày 10 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú: Khu 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Khu 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con ngày 15 tháng 10 năm 2020 và các biên bản ngày 02 tháng 11 năm 2020, những người yêu cầu là ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 thống nhất như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 quen biết nhau được một thời gian quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 26/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, ông T và bà T1 chung sống hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2020, bà T1 và ông T bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay, nhận thấy T1 cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục vì không có hạnh phúc. Nhận thấy T1 cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà T1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà T1 có 02 người con chung tên Trịnh Kỳ D, sinh ngày 13/4/2015 và Trịnh Văn N, sinh ngày 01/12/2010. Khi ly hôn, ông T và bà T1 thống nhất giao 02 con chung cho bà T1 được trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/02 con/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị T1 tự nguyện chịu toàn bộ.

[5] Tòa án xét thấy ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Về con chung, ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 thống nhất giao con chung tên Trịnh Kỳ Duyên, sinh ngày 13/4/2015 và Trịnh Văn Nguyên, sinh ngày 01/12/2010 cho bà T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/02 con/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung của ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Trịnh Kỳ D, sinh ngày 13/4/2015 và Trịnh Văn N, sinh ngày 01/12/2010 cho bà T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/02 con/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị T1 tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0031189 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Thọ Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Hồ Thế Chính